

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ SỐ LIỆU THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2025 CỦA CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC;

Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán và số liệu thực hiện dự toán NSNN Quý III năm 2025 như sau:

I. Công khai số liệu thực hiện dự toán chi Ngân sách nhà nước Quý III năm 2025:

1. Nội dung công khai: Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý III năm 2025 đã được phê duyệt (theo mẫu số 03 ban hành theo Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính)

2. Hình thức công khai:

- Đối với Văn phòng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật công khai trên cổng thông tin điện tử Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật <https://www.ppd.gov.vn/>, đồng thời niêm yết tại trụ sở làm việc.

- Đối với các đơn vị trực thuộc Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật bao gồm: 9 Chi Cục và 10 Trung tâm: 19/19 niêm yết công khai tại trụ sở làm việc;

3. Thời điểm công khai: Ngày 15/10/2025

II. Thuyết minh tình hình thực hiện Dự toán ngân sách nhà nước Quý III năm 2025

1. Thực hiện nhiệm vụ thu NSNN Quý III năm 2025 của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật:

Tổng thu NSNN (thu phí) ước thực hiện Quý III năm 2025: 134.415 triệu đồng đạt 91% so với dự toán giao năm 2025 bằng 118% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể tình hình thực hiện thu của các loại phí như sau:

+ Phí kiểm dịch thực vật thực hiện Quý III năm 2025: 113.394 triệu đồng đạt 88% so với dự toán giao bằng 113% so với cùng kỳ năm trước.

+ Phí giám sát khử trùng: 2.477 triệu đồng đạt 46% dự toán, bằng 74% so với cùng kỳ năm trước.

+ Phí thẩm định cấp giấy phép, GCN thuốc BVTV: 15.600 triệu đồng đạt 171% so với dự toán bằng 161% so với cùng kỳ năm trước.

+ Phí thẩm định phục vụ cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch: 180 triệu đồng đạt 125% dự toán bằng 136% so với cùng kỳ năm trước.

+Phí cấp mới, cấp lại, GCNSXPB: 229 triệu đồng đạt 44% so với dự toán; bằng 73% so với cùng kỳ năm trước.

+Phí Bảo hộ giống cây trồng: 2.505 triệu đồng đạt 63% dự toán.

+ Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp: 30 triệu đồng đạt 20% so với dự toán bằng 200% so với cùng kỳ năm trước

2. Chi từ nguồn thu phí được để lại, nguồn sự nghiệp được để lại Quý III năm 2025:

Tổng chi từ nguồn thu phí được để lại, nguồn sự nghiệp được để lại: 92.143 triệu đồng. Trong đó:

+ Chi sự nghiệp: 69.348 triệu đồng bằng 84% so với cùng kỳ năm trước.

+ Chi quản lý hành chính: 22.795 triệu đồng đạt 55% dự toán bằng 34% so với cùng kỳ năm trước.

3. Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước Quý III năm 2025:

Tổng số phí nộp ngân sách nhà nước: 40.043 triệu đồng đạt 61% so với dự toán bằng 117% so với cùng kỳ năm trước.

4. Tình hình thực hiện dự toán chi Ngân sách nhà nước:

* Chi quản lý hành chính:

- Kinh phí được cấp trong năm 2025: 111.949 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện Quý III năm 2025: 45.263 triệu đồng đạt 40 % so với dự toán.

* Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:

- Kinh phí được cấp trong năm 2025: 3.410 triệu đồng.

* Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

- Kinh phí được cấp trong năm 2025: 2.300 triệu đồng.

* Nguồn kinh phí đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ:

- Kinh phí được cấp trong năm 2025: 25 triệu đồng.

* Nguồn kinh phí hoạt động dự trữ quốc gia:

- Kinh phí được cấp trong năm 2025: 13.000 triệu đồng.

Các nhiệm vụ này Quý III năm 2025 đang thực hiện

* Chi hoạt động kinh tế:

- Kinh phí được cấp trong năm 2025: 24.677 triệu đồng

- Kinh phí thực hiện Quý III năm 2025: 3.800 triệu đồng đạt 15 % so với dự toán.

* Nguồn vốn viện trợ:

- Kinh phí được giao: 327,3 triệu đồng, thực hiện 313,3 triệu đồng, đạt 96% so với dự toán.

(Chi tiết theo biểu số 3-Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính kèm theo).

Trên đây là báo cáo tình hình công khai và thuyết minh số thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý III năm 2025 của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật./.

Nơi nhận:

- Đăng tải trên trang TTĐT;
- Lưu VT, TC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nghiêm Quang Tuấn

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 3 NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Quý 3 đầu năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2025	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	255.060	266.602	105%	90%
I	Số thu phí, lệ phí	147.650	134.415	91%	118%
1	<i>Lệ phí</i>				
2	<i>Phí</i>	147.650	134.415	91%	118%
	Phí kiểm dịch thực vật	128.150	113.394	88%	113%
	Phí giám sát khử trùng	5.350	2.477	46%	74%
	Phí thẩm định cấp giấy phép, GCN thuốc BVTV	9.121	15.600	171%	161%
	Phí thẩm định phục vụ cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch	144	180	125%	136%
	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận hợp quy sp, chỉ định phòng thử nghiệm lần đầu & thay đổi, bổ sung thuốc BVTV	100	0	0%	
	Phí chỉ định tổ chức thử nghiệm phân bón (bao gồm lần đầu, thay đổi, bổ sung), tổ chức chứng nhận thử nghiệm phân bón	110	0	0%	
	Phí cấp mới, cấp lại, GCNSXPB	525	229	44%	73%
	Phí xét tuyển viên chức				
	Phí Bảo hộ giống cây trồng	4.000	2.505	63%	
	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp	150	30	20%	200%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại, nguồn sự nghiệp được để lại	41.725	92.143	221%	62%
1	<i>Chi sự nghiệp</i>	0	69.348		84%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	65.999		107%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	3.349		16%
2	<i>Chi quản lý hành chính</i>	41.725	22.795	55%	34%
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	34.898	19.014	54%	43%
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	6.827	3.781	55%	16%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2025	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	65.685	40.043	61%	117%
1	Lệ phí				
	Lệ phí				
2	Phí	65.685	40.043	61%	117%
	Phí kiểm dịch thực vật	56.868	34.015	60%	113%
	Phí giám sát khử trùng	1.969	741	38%	74%
	Phí thẩm định cấp giấy phép, GCN thuốc BVTV	5.440	4.680	86%	161%
	Phí thẩm định phục vụ cấp giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch	95	54	57%	135%
	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận hợp quy sp, chỉ định phòng thử nghiệm lần đầu & thay đổi, bổ sung thuốc BVTV	70	0	0%	
	Phí chỉ định tổ chức thử nghiệm phân bón (bao gồm lần đầu, thay đổi, bổ sung), tổ chức chứng nhận thử nghiệm phân bón	85	0	0%	
	Phí cấp mới, cấp lại, GCNSXPB	328	46	14%	73%
	Phí xét tuyển viên chức				
	Phí Bảo hộ giống cây trồng	800	501	63%	
	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp	30	6	20%	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	155.688	50.963	33%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	155.361	50.650	33%	
1	Chi quản lý hành chính	111.949	45.263	40%	
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	93.781	30.920	33%	
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	18.168	14.343	79%	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (100-101)	3.410	1.417	42%	685%
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	0	0		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	0	0		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	0	0		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	0	0		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	0	0		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.410	1.417	42%	685%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình (130-134)	2.300	170	7%	16%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.300	170	7%	16%
4	Chi hoạt động kinh tế (280-281)	24.677	3.800	15%	106%
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	24.677	3.800	15%	106%
5	Chi đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ (070-085)	25	0	0%	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	25	0	0%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2025	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6	LOẠI 280 - KHOẢN 331 Hoạt động dự trữ quốc gia	13.000	0	0%	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13.000	0	0%	
II	Nguồn vốn viện trợ	327	313	96%	
1	Chi hoạt động kinh tế	327	313	96%	
1.1	Dự án phi dự án “Đánh giá tác động của việc trồng xen trong vườn cà phê đến sinh vật gây hại chính và thúc đẩy sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có trách nhiệm để phát triển sản xuất cà phê bền vững tại các tỉnh Tây Nguyên, Việt Nam	327	313	96%	
1.2	Dự án B				

Ngày 15 tháng 10 năm 2025

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nghiêm Quang Tuấn